

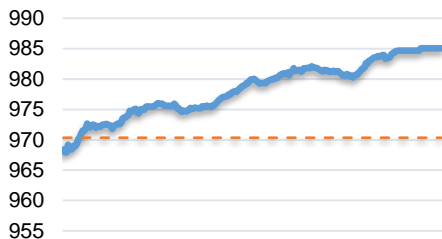
Market Today: Khối ngoại mua ròng cao nhất trong một tháng trên sàn HSX

11/09/2018

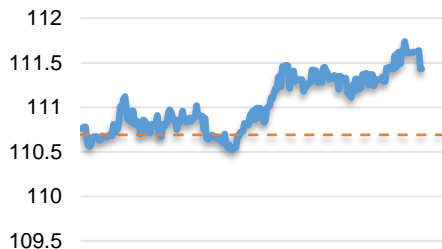
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNH	UPCOM
Điểm	985.06	111.43	51.45
% ngày	1.52	0.66	0.81
% tuần	0.93	0.18	(0.18)
% tháng	1.71	2.78	0.17
% năm	23.52	8.30	(5.33)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	2,898	450	165
Hôm qua	3,097	516	164
TB 1 tháng	3,545	615	200
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	1,232.60	13.44	71.11
Bán	749.19	27.68	54.37
Giá trị ròng	483.41	(14.24)	16.74
Độ rộng TT			
Mã Tăng	180	84	83
Mã Giảm	86	67	57
Không Đổi	87	233	594
Chỉ số chính			
P/E	17.7x	10.6x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,101	194	850
LS Cổ tức	2.17	2.39	4.00

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



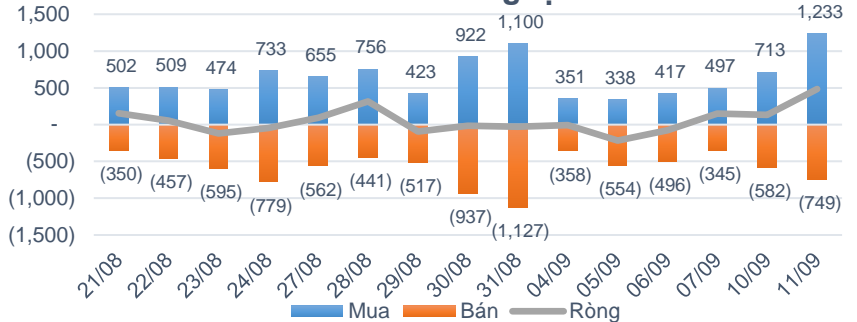
HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Dòng vốn của nước ngoài trong phiên chảy mạnh vào thị trường chứng khoán Việt Nam với tổng giá trị hơn 485 tỷ đồng. Chỉ riêng đối với giao dịch khối ngoại trên sàn HSX đã chiếm gần 28% tổng giao dịch của toàn thị trường. Khối ngoại dường như đang dần quay lại với thị trường VN.

Diễn biến GTGD khối ngoại sàn HSX



Chỉ số VN-Index tăng mạnh trong phiên đạt mức 985 điểm và tăng 1.52%. Sàn HNX và Upcom cũng có diễn biến khá tích cực khi hai chỉ số đều tăng gần 1%. Chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức 111.43 điểm và Upcom-Index đóng cửa tại mức 51.45 điểm.

Các nhóm ngành lớn trong thị trường đều đồng loạt tăng giá như nhóm ngành tài chính ngân hàng, bất động sản, dầu khí, xây dựng cùng bán lẻ. Những mã hỗ trợ tốt cho đà tăng của thị trường trong phiên như VNM, VIC, GAS, BID, VCB, CTg, HPG, VJC, MSN... Bên cạnh đó NVL, VHM cùng 2 ông lớn ngành bia SAB-BHN là những mã khiến cho thị trường không tăng quá nóng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN30 có thể sẽ tiếp tục hướng về mức 960 điểm trong phiên kế tiếp. Đồng thời, nhiều cổ phiếu có thể rơi vào trạng thái quá mua ngắn hạn khi chỉ số VN30 tiệm cận sát vùng giá 960 điểm cho nên áp lực điều chỉnh sẽ gia tăng trong phiên tới. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là dòng tiền có khuynh hướng gia tăng trở lại cho thấy tâm lý nhà đầu tư đã tích cực hơn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ cho thấy cơ hội giải ngân mới cũng có dấu hiệu tăng trở lại, nhưng tỷ lệ này vẫn ở mức cân bằng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 986.13 điểm và mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức cắt lỗ ở mức 109.93 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tạm thời dừng bán và nắm giữ tỷ trọng cân bằng hiện tại. Đồng thời, vị thế mua an toàn có thể chờ thêm điểm mua được xác nhận rõ ràng hơn.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 54% cổ phiếu/46% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.10	GIẢM	GIẢM		18.14				19.58		
ACB	33.00	TĂNG	GIẢM	35.60	32.58	-7.30%			36.35		
ACV	84.10	TĂNG	GIẢM	84.10	83.97	0.00%	MUA		95.72		
ANV	19.80	TĂNG	GIẢM	18.90	17.80	4.76%			21.39		
ASM	13.15	TĂNG	GIẢM	13.30	12.41	-1.13%			14.14		
BFC	26.40	GIẢM	GIẢM		28.37				28.92		
BHN	83.50	GIẢM	GIẢM		83.53				104.52		
BID	35.30	TĂNG	TĂNG	25.80	32.31	36.82%		33.40	27.33	5.69%	
BMP	55.90	TĂNG	GIẢM	56.20	53.85	-0.53%			62.30		
BSR	17.60	GIẢM	GIẢM		17.91				19.99		
BVH	95.70	TĂNG	TĂNG	95.70	92.52	0.00%	MUA	86.00	74.55	11.28%	MUA
BWE	18.00	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	1.69%			19.20		
CEO	13.10	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	-2.24%			14.91		
CHP	22.70	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-3.40%	
CSM	14.50	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	1.75%		14.39	12.77	0.76%	
CTD	164.00	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	9.70%		161.20	140.04	1.74%	
CTG	26.95	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	12.29%			28.07		
CTI	26.20	GIẢM	GIẢM		29.69				33.12		
CVT	24.40	GIẢM	GIẢM		25.90				29.58		
DCM	10.05	TĂNG	GIẢM	10.16	10.00	-1.10%			10.69		
DGW	25.90	TĂNG	GIẢM	23.90	24.73	8.37%			26.51		
DHA	27.35	GIẢM	GIẢM		27.41				28.49		
DHC	39.70	GIẢM	GIẢM		40.34				43.77		
DHG	92.10	GIẢM	GIẢM		95.07				106.33		
DPG	51.20	TĂNG	TĂNG	40.90	49.16	25.18%		52.00	38.30	-1.54%	
DPM	17.40	GIẢM	GIẢM		17.86				18.72		
DPR	36.80	TĂNG	GIẢM	37.50	36.19	-1.87%			39.04		
DQC	29.00	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-1.86%			30.33		
DRC	27.10	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	4.84%		24.30	22.34	11.52%	
DXG	28.50	GIẢM	GIẢM		28.67				29.38		
ELC	8.96	GIẢM	GIẢM		9.18				10.54		
FCN	15.50	GIẢM	TĂNG		16.49			17.70	14.10	-12.43%	
FIT	4.10	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	-3.98%			4.98		
FMC	25.80	TĂNG	TĂNG	21.20	23.99	21.70%		24.70	20.29	4.45%	
FPT	43.15	GIẢM	GIẢM		44.10				45.46		
GAS	103.50	TĂNG	TĂNG	101.50	98.03	1.97%		103.00	83.67	0.49%	
GEX	29.20	GIẢM	TĂNG		29.24			30.10	25.97	-2.99%	
GIL	51.60	TĂNG	TĂNG	41.65	50.29	23.89%		34.90	43.69	47.85%	



We Create Fortune

GMD	27.25	TĂNG	GIẢM	25.40	25.70	7.28%		28.65		
GTN	10.80	GIẢM	TĂNG		11.42			11.20	9.83	-3.57%
HAG	6.31	GIẢM	TĂNG		6.51			6.19	5.86	1.94%
HAX	16.35	TĂNG	GIẢM	16.40	15.22	-0.30%			18.52	
HBC	22.00	GIẢM	GIẢM		23.17				27.24	
HDB	37.10	TĂNG	GIẢM	38.20	36.39	-2.88%			42.32	
HNG	17.15	TĂNG	TĂNG	16.70	16.44	2.69%	8.20		14.10	109.15%
HPG	40.00	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	7.53%			42.50	
HSG	10.60	GIẢM	GIẢM		11.16				13.29	
HT1	13.45	TĂNG	TĂNG	11.75	12.78	14.47%	13.00		12.91	3.46% MUA
HUT	5.20	GIẢM	GIẢM		5.45				6.72	
HVN	38.60	GIẢM	TĂNG		39.79		39.20		31.92	-1.53%
ITD	11.75	TĂNG	TĂNG	12.40	11.66	-5.24%	12.40		11.14	-5.24%
KBC	11.75	GIẢM	GIẢM		12.40				13.24	
KDH	33.30	TĂNG	TĂNG	30.30	30.42	9.90%			33.01	
KSB	32.10	TĂNG	GIẢM	30.95	30.59	3.72%			33.01	
LCG	9.35	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-1.16%	9.39		8.19	-0.43%
LDG	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	13.91	3.33%			15.06	
LIX	40.30	GIẢM	GIẢM		41.02				43.86	
LPB	9.10	GIẢM	GIẢM		9.48				11.56	
LSS	6.54	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75	
MSN	92.50	TĂNG	TĂNG	79.10	91.20	16.94%	90.60		80.07	2.10%
MWG	120.50	GIẢM	TĂNG		121.79		121.00		106.33	-0.41%
NKG	12.60	GIẢM	GIẢM		13.45				16.46	
NLG	31.00	GIẢM	GIẢM		31.54				31.83	
NT2	26.40	GIẢM	GIẢM		26.90				28.69	
NTL	9.70	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.28%	10.45		8.94	-7.18%
NTP	49.60	GIẢM	GIẢM		50.59				51.08	
PAC	41.00	TĂNG	GIẢM	40.20	39.07	1.99%			42.18	
PC1	25.10	GIẢM	GIẢM		26.03				28.95	
PDR	26.00	GIẢM	GIẢM		26.24				29.12	
PGC	14.00	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-2.44%			15.68	
PHR	24.50	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	11.87%	24.00		21.67	2.08%
PLX	70.00	TĂNG	TĂNG	60.50	65.40	15.70%	68.00		57.13	2.94%
PNJ	99.70	GIẢM	TĂNG		102.91		103.90		86.95	-4.04%
POW	15.00	TĂNG	TĂNG	13.00	13.53	15.38%	14.10		11.31	6.38%
PPC	18.40	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-0.54%			19.21	
PTB	56.70	GIẢM	TĂNG		60.23		64.00		53.16	-11.41%
PVD	15.20	TĂNG	TĂNG	15.75	14.35	-3.49%	16.35		11.96	-7.03%
PVI	29.40	TĂNG	GIẢM	29.90	28.43	-1.67%			33.24	
PVS	21.60	TĂNG	TĂNG	17.00	19.73	27.06%	20.90		16.24	3.35%
PXS	5.79	GIẢM	TĂNG		6.15		6.19		4.60	-6.46%
RAL	88.70	TĂNG	GIẢM	91.00	84.58	-2.53%			100.14	

We Create Fortune

REE	35.00	GIẢM	TĂNG		36.29			36.40	31.68	-3.85%	
SAB	223.00	TĂNG	GIẢM	208.00	216.31	7.21%			233.02		
SAM	7.52	TĂNG	GIẢM	7.16	7.16	5.03%			7.59		
SBV	24.00	GIẢM	GIẢM		25.56				28.78		
SCR	9.07	GIẢM	GIẢM		9.45				10.30		
SHI	6.10	GIẢM	TĂNG		6.31			6.99	5.88	-12.73%	
SJS	18.95	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	22.30	GIẢM	TĂNG		22.66			23.10	20.01	-3.46%	
SSI	32.20	TĂNG	GIẢM	29.55	30.13	8.97%			34.19		
STB	11.80	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	5.36%			12.71		
SVC	44.50	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74		
TCB	25.40	GIẢM	GIẢM		26.42				N/A		
TCM	25.65	TĂNG	TĂNG	17.80	22.65	44.10%		21.60	18.06	18.75%	
TDH	11.30	TĂNG	GIẢM	11.70	11.14	-3.42%			12.95		
TLH	7.16	GIẢM	GIẢM		7.41				8.20		
TMT	7.60	TĂNG	TĂNG	7.60	7.45	0.00%	MUA		7.28		
TNG	13.00	TĂNG	TĂNG	10.80	11.71	20.37%		12.00	10.14	8.33%	
TYA	10.25	GIẢM	GIẢM		10.78				12.18		
VCB	63.00	GIẢM	GIẢM		63.68				64.41		
VFG	36.50	GIẢM	TĂNG		37.58			34.39	32.56	6.12%	
VGC	18.40	TĂNG	GIẢM	17.90	17.66	2.79%			21.13		
VHM	103.70	GIẢM	N/A		108.96						
VIB	27.40	GIẢM	GIẢM		27.70				30.67		
VIC	101.20	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-9.24%	
VIP	6.90	GIẢM	GIẢM		7.08				7.29		
VJC	150.50	GIẢM	TĂNG		154.95			156.00	130.21	-3.53%	
VNM	132.00	TĂNG	GIẢM	132.00	128.96	0.00%	MUA		144.03		
VPB	24.70	GIẢM	GIẢM		26.14				31.61		
VRC	23.60	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	32.96%		19.35	19.40	21.96%	
VRE	38.30	GIẢM	GIẢM		38.72				44.98		
VSC	39.40	TĂNG	TĂNG	35.50	39.30	10.99%		35.30	34.91	11.61%	
VSH	17.45	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	0.29%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	985.06	1.52
VN30	958.91	1.65
VN Mid	1,021.11	1.58
VN Small	814.48	0.82

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	111.43	0.66
HN30	201.53	1.26
VNX AllSh	1,381.87	1.63

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	51.45	0.81

GDKN	GTGD (tỷ VND)
Mua	1,232.60
Bán	749.19
GT rỗng	483.41

GDKN	GTGD (tỷ VND)
Mua	13.44
Bán	27.68
GT rỗng	(14.24)

GDKN	GTGD (tỷ VND)
Mua	71.11
Bán	54.37
GT rỗng	16.74

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BCG	420	6.97%
HAG	410	6.95%
HDG	2350	6.94%
BVH	6200	6.93%
TCM	1650	6.88%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	600	4.84%
HUT	200	4.00%
SHS	500	3.42%
PVS	700	3.35%
CEO	300	2.34%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BSR	900	5.39%
OIL	600	4.23%
POW	400	2.74%
VIB	700	2.62%
HVN	900	2.39%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTI	-1,950	-6.93%
TTF	-300	-6.86%
OGC	-200	-6.76%
NCT	-2,000	-2.70%
GIL	-1,100	-2.09%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMV	-2,100	-8.47%
L14	-3,100	-6.31%
DBC	-300	-1.07%
VGC	0	0.00%
#N/A	#N/A	#N/A

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MPC	-500	-1.37%
VGT	0	0.00%
#N/A	#N/A	#N/A
DVN	100	0.62%
ACV	600	0.72%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng
VIC	322,992
VHM	277,876
VNM	229,870
VCB	226,659
GAS	198,094

GTVH cao nhất	Tỷ đồng
ACB	41,156
VCS	14,368
SHB	9,986
PVS	9,649
VGC	8,250

GTVH cao nhất	Tỷ đồng
ACV	183,097
BSR	54,569
MCH	53,979
HVN	48,234
POW	35,128

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HAG	7.39	9.26
OGC	7.17	2.98
HPG	6.92	5.49
FLC	6.78	14.21
CTG	6.26	6.12

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	5.46	6.86
SHB	4.87	6.83
ACB	3.90	5.14
DST	2.15	0.86
HUT	2.00	1.29

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
NAW	7.30	0.00
POW	4.41	1.48
BSR	3.90	1.95
LPB	1.70	1.79
OIL	1.33	0.77

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

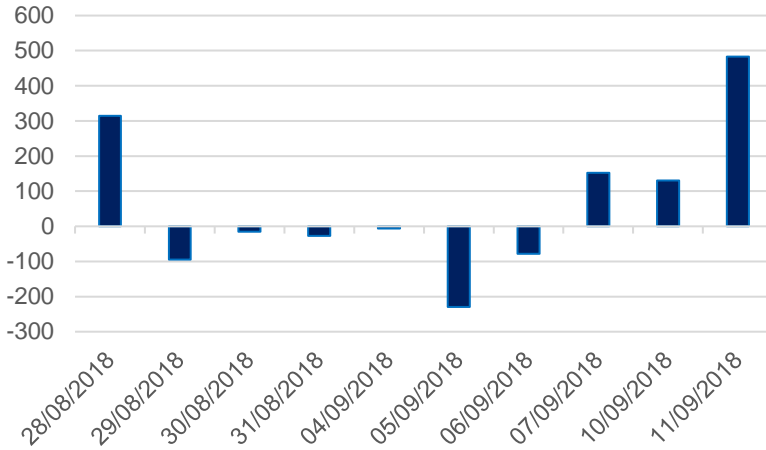
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create **Fortune**

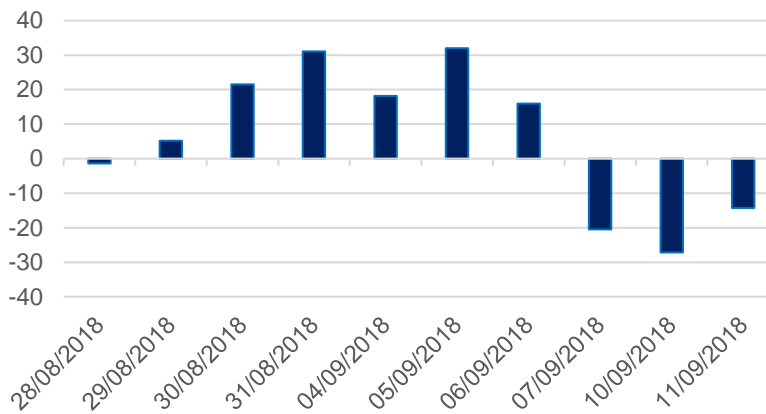
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VNM	169,367	VHM	(16,502)
HPG	99,706	MSN	(14,162)
VJC	57,552	DIG	(9,287)
VCB	47,094	HDB	(8,574)
GEX	36,739	NVL	(7,261)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

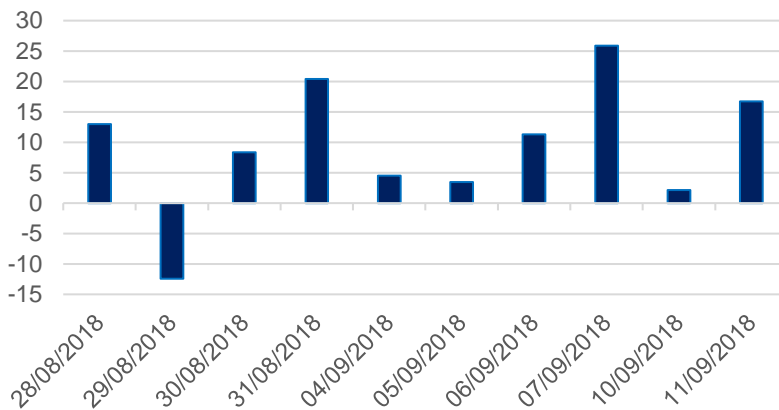
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
SHS	3,454	VGC	(7,067)
PVS	1,228	CEO	(5,581)
SHB	814	TIG	(3,172)
VCS	424	HAD	(2,638)
MAS	130	TNG	(2,174)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	25,982	BSR	(11,920)
HVN	5,148	LPB	(2,344)
VEA	3,584	MPC	(2,273)
ACV	1,127	VGT	(2,173)
MSR	456	GVR	(715)

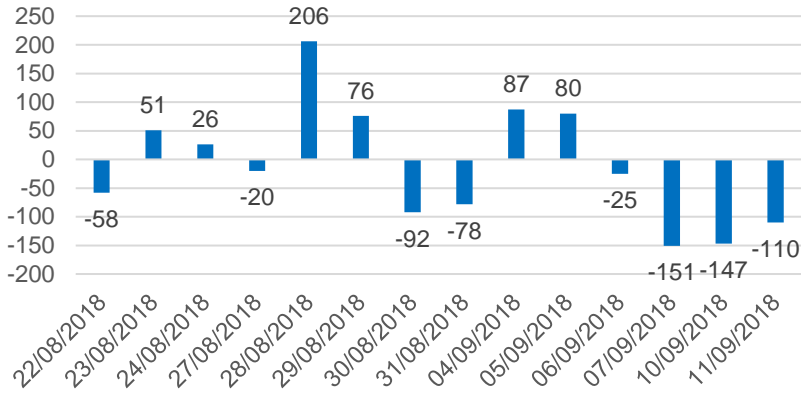
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

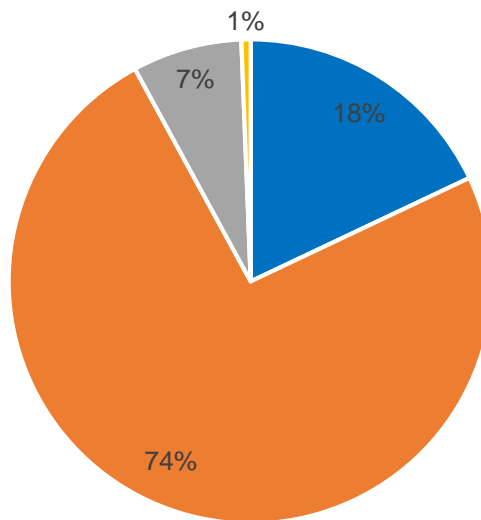


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
NVL	35,538	VNM	42,343
MWG	17,099	NVL	33,352
VIC	12,781	HPG	30,546
SSI	9,406	VIC	7,108
VIC	8,705	DIG	5,921

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



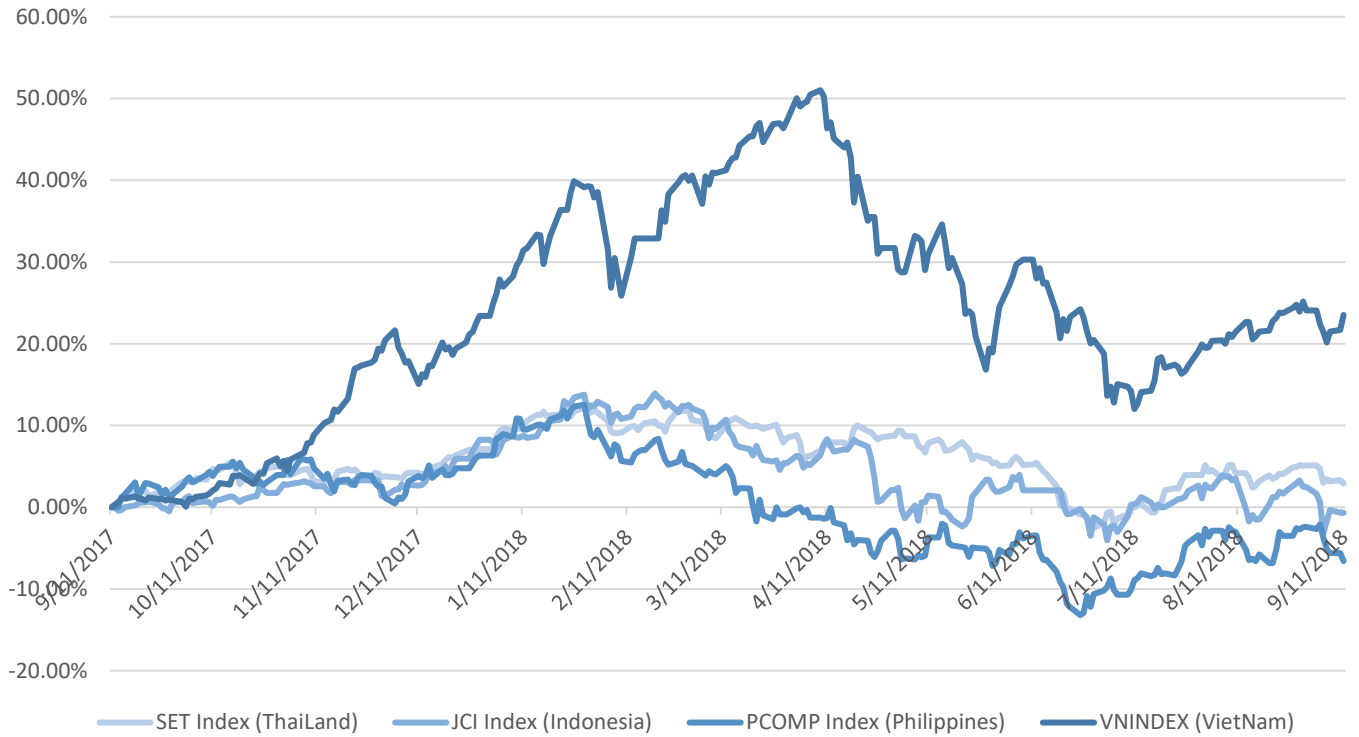
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

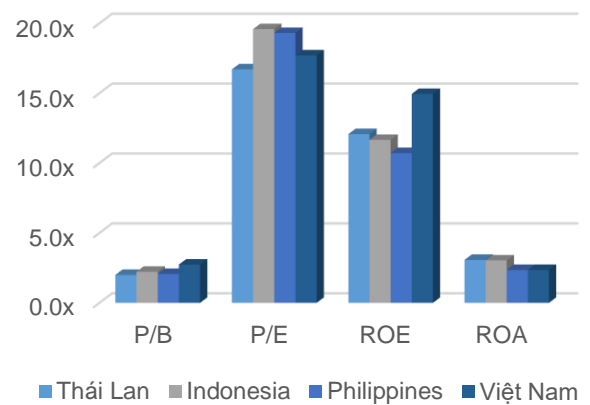
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	2.1x	2.7x
P/E		16.7x	19.6x	19.3x	17.7x
ROE	%	12.08	11.66	10.72	14.95
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	519.79	443.95	176.91	133.19
GTGD	Triệu USD	0.88	0.28	0.10	0.12
LS cổ tức	%	3.13	2.33	1.57	2.17

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written